

NHỮNG ĐIỂM GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG CÁCH SỬ DỤNG PHÉP QUY CHIẾU TRONG DIỄN NGÔN HỘI THOẠI GIỮA BỘ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH CHO HỌC SINH THPT Ở VIỆT NAM (2015) VÀ BỘ GIÁO TRÌNH NEW INTERCHANGE

Trần Thị Thủy*

Tóm tắt

Bài viết này nêu lên những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng phép quy chiếu trong diễn ngôn hội thoại giữa Bộ SGK Tiếng Anh cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015) và Bộ giáo trình New Interchange. Nghiên cứu được tiến hành theo hướng định tính kết hợp với định lượng, với sự hỗ trợ của các phương pháp thống kê và mô tả để tìm ra loại quy chiếu nào được sử dụng cũng như sự giống và khác nhau khi sử dụng chúng ở hai bộ giáo trình.

Từ khoá: *phép quy chiếu, công cụ liên kết, SGK Tiếng Anh cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015), giáo trình New Interchange.*

Abstract

Some similarities and differences in using references in the conversational discourse between the English Textbook Series for Vietnamese High School Students (2015) and the New Interchange Series

This research paper presents the results of our study on some similarities and differences of references used in the conversations between the English Textbook Series for Vietnamese High School Students (2015) and the New Interchange Series. The qualitative and quantitative approaches were employed in combination with the statistic and descriptive methods in order to find out what types of reference as well as the similarities and differences in references used in the two textbook series.

Keywords: *references, cohesive device, English Textbook Series for Vietnamese High School Students (2015), New Interchange Series*

1. Giới thiệu

Nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh, Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 nhằm đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ đã được khởi động từ năm 2008 nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh và khả năng tham gia vào quá trình toàn cầu hóa của đội ngũ lao động. Trong khuôn khổ đề án này, Bộ SGK tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cùng NXB Pearson phối hợp biên soạn đã được phát hành dựa trên tâm lý lứa

tuổi học sinh cũng như đặc điểm văn hoá của Việt Nam và các quốc gia sử dụng tiếng Anh theo Quyết định số 5209 của Bộ Giáo dục – Đào Tạo ngày 23/10/2012 về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp THPT. Do vậy, bộ giáo trình này, ở một mức độ nhất định, bị ảnh hưởng bởi phong cách của các nhà biên soạn là những nhà ngôn ngữ học và nhà giáo không phải là người bản xứ như Mey (2004, tr. 32) đã nhận định “Chúng ta không thể tách rời sự ảnh hưởng của văn hóa khỏi những con người đã từng sở hữu chúng.” Trong khi đó, New Interchange được xuất bản bởi NXB Đại

*ThS, Trường THPT Trần Suyền, Phú Yên

học Cambridge là một trong những bộ giáo trình tiếng Anh quốc tế thành công và được sử dụng rộng rãi cho đối tượng thanh thiếu niên và người trưởng thành ở nhiều quốc gia trên thế giới học tiếng Anh giao tiếp.

Nghiên cứu này nhằm điều tra cách sử dụng phép quy chiếu trong hội thoại như thế nào thông qua hai bộ giáo trình. Mục đích thứ hai là so sánh tìm ra các đặc trưng riêng của việc sử dụng các loại quy chiếu như là công cụ gắn kết trong diễn ngôn hội thoại. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài báo này, tác giả chỉ xin trình bày kết quả nghiên cứu định tính và định lượng dựa trên kết quả phân tích dữ liệu.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1 Câu hỏi nghiên cứu

1. Loại quy chiếu nào được sử dụng trong Bộ SGK tiếng Anh cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015) và Bộ giáo trình New Interchange?

2. Những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng quy chiếu giữa hai bộ giáo trình này là gì?

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Việc nghiên cứu chủ yếu tập trung vào phân tích các loại quy chiếu trong 27 cuộc hội thoại được thu thập từ SGK tiếng Anh lớp 10, 11 và 12 ở các chủ đề về cuộc sống, xã hội, môi trường và tương lai. Sau đó, đặc trưng này sẽ được so sánh với đặc trưng quy chiếu trong 35 đoạn hội thoại ở các chủ đề tương tự về trường học, công việc, đời sống xã hội và giải trí được lựa chọn ngẫu nhiên từ bộ sách New Interchange 1, 2 và 3.

2.3. Nguồn dữ liệu và mẫu phân tích

Nguồn dữ liệu thứ nhất phục vụ cho quá trình nghiên cứu là 27 đoạn hội thoại với độ dài là 6371 từ. 27 đoạn hội thoại này được thu thập từ Bộ SGK Tiếng Anh Mới lớp 10, 11, 12 được biên soạn tương ứng với trình độ B1 theo Quyết định số 5209

của Bộ Giáo Dục – Đào Tạo ngày 23/10/2012 về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp THPT. Nguồn dữ liệu thứ hai được thu thập từ bộ giáo trình New Interchange, với 35 bài hội thoại được thu thập bao gồm 3 bài từ Quyển 1, 30 bài từ Quyển 2 và 2 bài từ Quyển 3. Dữ liệu phân tích gồm 6149 từ trong 35 bài hội thoại đã thu thập có cùng chủ đề với 27 đoạn hội thoại từ bộ SGK Việt Nam.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành với sự kết hợp của các phương pháp định lượng và định tính. Phương pháp mô tả và thống kê giúp giải đáp các vấn đề đã được đặt ra. Các mẫu ngữ liệu được phân loại và phân tích dựa trên quan điểm của Halliday and Hasan (1976).

3. Nền tảng lý thuyết

Halliday & Hasan (1976) đã nhận định phép liên kết là "tổ hợp các khả năng tồn tại trong ngôn ngữ để làm cho văn bản gắn kết với nhau" (tr. 298). Nunan (1993) phân chia công cụ liên kết thành bốn loại, trong đó phép thế là một phần của phép tinh lược. Trong khi đó, GS.TS. Hoàng Văn Văn (2006, tr. 87-88) hoàn toàn đồng ý với khái niệm, ý nghĩa và năm loại liên kết đã được phân loại bởi Halliday và Hasan (1976). Ông cho rằng bất kỳ đoạn văn nào được xác định như là một văn bản hoặc diễn ngôn phải có tính văn bản bởi vì tính văn bản này liên kết các bộ phận của văn bản với nhau. Hoey (1991, tr. 10-14) lại chỉ chia phép liên kết thành bốn loại chính, bao gồm quy chiếu, phép thế, phép tinh lược và phép liên kết từ. Thompson (2014) không chỉ kế thừa các lập luận rất thuyết phục từ Haliday & Hasan (1976) và Hoey (1991), mà còn đưa ra những ý kiến riêng. Ông đồng ý rằng phép liên kết là một trong những cách thức tạo ra tính văn bản khi cho

rằng nó giúp văn bản "được nhận biết như là một văn bản chứ không chỉ là tập hợp của các từ hoặc mệnh đề thiếu liên quan", nhưng ông chỉ phân chia phép liên kết thành ba loại chính: phép quy chiếu, phép tinh lược và phép liên kết từ.

Nhìn chung, quan điểm về các loại liên kết có phần nào khác nhau nhưng đều có điểm chung là dựa trên nền tảng lý thuyết về phép liên kết của Halliday và Hasan. Vì vậy, tác giả bài viết chọn quan điểm về phép liên kết của Halliday và Hasan cho bài nghiên cứu của mình.

Theo Halliday và Hasan (1976), quy chiếu - một trong các cách thức liên kết - là mối liên kết về ngữ nghĩa. Có hai cách thức quy chiếu bao gồm ngoại chiếu và nội chiếu. Nội chiếu gồm hồi chiếu và khứ chiếu. Có ba loại quy chiếu gồm quy chiếu đại từ nhân xưng, quy chiếu đại từ chỉ định và quy chiếu so sánh.

Nhiều học viên đã có những đóng góp có ý nghĩa thông qua các nghiên cứu thực tiễn, tiêu biểu như "*Phân tích diễn ngôn về phép liên kết ngữ pháp từ bài viết của học sinh*" (Azzouz, 2009), "*Quy chiếu như một phương thức liên kết ngữ pháp*

trong tường thuật bằng tiếng Anh và các bản dịch sang tiếng Ả Rập" (Mokrani, 2009), "*Phân tích công cụ liên kết trên chuyên mục du lịch và giải trí tháng 9 năm 2011*" (Sukma, 2014), và "*Nghiên cứu về quy chiếu diễn ngôn trong chương trình đối thoại chính sách trên kênh VTV1 và Q & A trên ABC*" (Lê Thị Thu Thủy, 2016). Những nghiên cứu này có cùng điểm chung là đã chỉ ra rằng quy chiếu là một trong những công cụ liên kết ngữ pháp hiệu quả để kết hợp các yếu tố trong các diễn ngôn. Tuy nhiên, đối với Bộ SGK tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam đang trong giai đoạn thử nghiệm, chưa có nhiều nghiên cứu được thực hiện, đặc biệt là về phép quy chiếu trong diễn ngôn hội thoại. Vì vậy, cần có nhiều hơn các nghiên cứu về thể loại diễn ngôn này để tạo nền tảng vững chắc hơn cho việc dạy và học tiếng Anh tại các trường THPT theo đường hướng giao tiếp.

4. Kết quả và bàn luận

Số lần sử dụng của các loại quy chiếu trong các cuộc đàm thoại từ Bộ SGK cho học sinh THPT ở Việt Nam từ 2015 và Bộ giáo trình New Interchange được so sánh trong bảng tóm tắt sau.

Bảng tóm tắt: Tần suất của quy chiếu liên kết trong hai bộ giáo trình

Thuộc tính		Loại	Đặc điểm cấu trúc ngôn ngữ	Bộ SGK tiếng Anh (2015)		Bộ giáo trình New Interchange	
				Số lần	Phần trăm	Số lần	Phần trăm
Nội chiếu	Hồi chiếu	Quy chiếu đại từ	- Danh từ (đại từ nhân xưng)	791	32.52	965	43.04
			- Từ hạn định	995	40.91	332	14.8
		Quy chiếu chỉ định	Từ hạn định có lựa chọn	47	1.93	214	9.54
			Từ hạn định không có lựa chọn	432	17.76	361	16.1

	Quy chiếu so sánh	- So sánh tổng quát - So sánh riêng biệt	25 28	1.02 1.15	27 52	1.2 2.31
Phần trăm của hồi chiếu			2318	95.32	1951	87.02
	Phép tỉnh lược	- Tỉnh lược danh từ - Tỉnh lược động từ - Tỉnh lược mệnh đề	10 11 60	0.41 0.45 2.46	36 54 143	1.6 2.4 6.38
Phần trăm của tỉnh lược			81	3.33	233	10.38
Khứ chiếu	Quy chiếu đại từ nhân xưng	- Danh từ (đại từ nhân xưng) - Từ hạn định	6 0	0.24 0	12 0	0.53 0
	Quy chiếu đại từ chỉ định	Từ hạn định có lựa chọn Từ hạn định không có lựa chọn	2 1	0.08 0.04	18 0	0.8 0
	Phần trăm của khứ chiếu			9	0.37	30
Ngoại chiếu	* Danh từ (ngữ) xác định					
	* The + danh từ số nhiều					
		- Quốc gia hợp nhất	1	0.04	1	0.04
		- Nhóm dân tộc thiểu số	0	0	1	0.04
	* The + danh từ (ngữ) số ít					
		- Vật duy nhất	1	0.04	0	0
		- Nơi chốn không đến thường xuyên	4	0.16	18	0.8
		- Nhóm người, động vật, đồ vật có cùng thuộc tính	3	0.12	0	0
	* Khác					
		- Các chương trình	5	0.2	0	0
	- Điều đặc biệt	9	0.37	6	0.26	
	- Tiền tệ	0	0	1	0.04	
	- The + từ viết tắt	1	0.04	0	0	
	- Nghề nghiệp	0	0	1	0.04	
	- Tờ báo	0	0	1	0.04	
Phần trăm của ngoại chiếu			24	0.98	28	1.26
Tổng số			2432	100	2242	100

4.1. Các loại quy chiếu trong hai bộ giáo trình

Dựa trên bảng tóm tắt, tất cả bốn loại quy chiếu gồm hồi chiếu, khứ chiếu, tình lược và ngoại chiếu được sử dụng trong các cuộc hội thoại trong cả hai bộ giáo trình.

Trong Bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015), hồi chiếu được sử dụng nhiều nhất (95,32%), sau đó là tình lược (3,33%). Tiếp theo là ngoại chiếu (0,98%) và khứ chiếu (0,37%). Trong hồi chiếu, liên hệ ngược bằng đại từ nhân xưng được sử dụng nhiều hơn bằng đại từ chỉ định. Quy chiếu so sánh được sử dụng ít nhất trong ba loại của hồi chiếu. Trong phép tình lược, tình lược mệnh đề được dùng nhiều hơn tình lược danh từ và động từ. Ngoại chiếu được sử dụng nhiều hơn khứ chiếu trong các đoạn đàm thoại đã được nghiên cứu. Trong Bộ Giáo Trình New Interchange, có một số điểm khác biệt so với Bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015). Thứ tự giảm dần của các loại quy chiếu được sử dụng trong các cuộc đàm thoại là hồi chiếu (87,02%), tình lược (10,38%), khứ chiếu (1,33%), và ngoại chiếu (1,26%). Trong khứ chiếu, loại khứ chiếu so sánh không được đề cập đến trong bất kỳ tình huống nào. Quy chiếu đại từ nhân xưng trong chức năng hạn định và quy chiếu chỉ định không chọn lựa không được sử dụng trong Bộ giáo trình New Interchange.

4.2. Những điểm giống nhau trong việc sử dụng phép quy chiếu của hai bộ giáo trình

Trong các cuộc đàm thoại của cả hai bộ sách, quy chiếu là một trong những phương tiện hữu ích cho người nói và người nghe kết nối các ý tưởng để làm cho cuộc hội thoại hợp lý và có ý nghĩa trong các ngữ cảnh tình huống và văn hoá. Trong cả hai bộ sách, hồi chiếu, khứ chiếu, tình

lược và ngoại chiếu đều được sử dụng.

Trước tiên, cả hai bộ sách đều ưu tiên sử dụng hồi chiếu. Trong các loại hồi chiếu, hồi chiếu bằng đại từ nhân xưng được sử dụng với tần suất cao nhất. Đặc biệt, cả hai không sử dụng hồi chiếu là các từ hạn định như “*mine, yours, his, hers, its, ours, theirs*” với chức năng ngữ pháp là yếu tố chính để biểu thị nghĩa sở hữu. Thật vậy, những từ này không dễ cho người nghe hiểu được ngay và có thể làm cho người nghe bối rối trong lúc trò chuyện. Vì vậy, người nói thường chọn các từ hạn định với chức năng ngữ pháp bổ nghĩa, như “*my, your, his, her, its, our, one’s*” để thể hiện nghĩa sở hữu. Bên cạnh đó, hồi chiếu chỉ định cũng được sử dụng nhiều, chỉ xếp sau hồi chiếu đại từ. Cả hai bộ giáo trình, từ hạn định trung tính “*the*” với hàm ý không có lựa chọn của người nói có chức năng ngữ pháp là bổ nghĩa được sử dụng nhiều để nói một cái gì, điều gì hay ai đó. Chúng được sử dụng nhiều hơn các từ hạn định và trạng từ có hàm ý lựa chọn của người nói. Hơn nữa, trong các cấu trúc so sánh, cả hai bộ sách đều sử dụng với tính từ nhiều hơn trạng từ.

Sau hồi chiếu, phép tình lược được sử dụng nhiều hơn khứ chiếu và ngoại chiếu. Phép tình lược là một sự lựa chọn khôn ngoan khi người nói muốn rút ngắn từ cần nói nhưng người nghe vẫn có thể hiểu được ý định của người nói cũng như nội dung của các cuộc trò chuyện. Lựa chọn thứ ba là ngoại chiếu, xảy ra khi người nói dựa trên kinh nghiệm và kiến thức chung về văn hoá. Lựa chọn cuối cùng là khứ chiếu. Khứ chiếu được sử dụng ít nhất vì việc chuyển tiếp này có thể gây khó khăn, mất nhiều thời gian hơn để người nghe nắm bắt được nội dung. Tuy nhiên, ở khía cạnh kể chuyện hoặc nhấn mạnh, phép quy chiếu này có thể đem lại hiệu quả tốt.

4.3. Những điểm khác nhau trong cách sử dụng phép quy chiếu của hai bộ giáo trình

Về sự khác nhau, có một số điểm khác nhau chính về cách sử dụng phép quy chiếu giữa hai bộ giáo trình.

Kết quả cho thấy Bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015) sử dụng nhiều hồi chiếu hơn so với Bộ Giáo trình New Interchange (95,32 % so với 87,02 %). Cụ thể, tần suất hồi chiếu đại từ, hồi chiếu chỉ định và hồi chiếu so sánh đạt trung bình 73,43%, 19,69% và 2,17% ở bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015), trong khi đó các tần suất này đạt mức 57,12%, 25,64% và 3,51% ở bộ Giáo trình New Interchange. Trong bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015), hồi chiếu đại từ được sử dụng nhiều hơn nhưng hồi chiếu chỉ định và hồi chiếu so sánh được dùng ít hơn trong Bộ Giáo trình New Interchange. Điều này gợi ý rằng việc sử dụng hồi chiếu đại từ để thực hiện hơn là sử dụng hồi chiếu chỉ định và hồi chiếu so sánh trong các cuộc hội thoại. Hồi chiếu đại từ liên kết các yếu tố trong câu hoặc văn bản tạo thành diễn ngôn hợp lý. Tuy nhiên, điều này dẫn đến lối nói dài dòng. Thêm nữa, nó cũng ảnh hưởng đến mức độ sử dụng phép tỉnh lược. Tỷ lệ sử dụng phép tỉnh lược trong Bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015) chỉ đạt 3,33%, trong khi tỷ lệ phần trăm của phép tỉnh lược trong Bộ Giáo trình New Interchange ở mức 10,38%. Kết quả này cho thấy rằng tần suất sử dụng phép tỉnh lược trong giao tiếp hoặc tạo hiệu ứng hài hước trong Bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015) ít hơn nhiều so với Bộ Giáo trình New Interchange. Điều này phải chăng bị ảnh hưởng bởi kiến thức về văn hoá và ngôn ngữ Việt Nam, nơi mà việc viết và nói nên

đầy đủ và lịch sự. Ngoài ra, Bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015) hiếm khi sử dụng khứ chiếu, chỉ chiếm 0,37%. Hầu hết các trường hợp là của đại từ giả "It" được sử dụng trong các chức năng ngữ pháp như chủ ngữ để nhấn mạnh đến ai đó, một cái gì đó hoặc thậm chí là một phần của văn bản. Bộ Giáo trình New Interchange sử dụng nhiều khứ chiếu hơn so với Bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015), đạt mức 1,33%.

Về ngoại chiếu, kết quả phân tích cho thấy Bộ Giáo trình New Interchange sử dụng ngoại chiếu nhiều gấp gần 1,5 lần so với bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015). Trong bộ Giáo trình New Interchange, ngoại chiếu có khuynh hướng diễn ra bất cứ khi nào người nói tin rằng họ đang chia sẻ ngữ cảnh văn hóa nào đó với người nghe. Người nghe được kỳ vọng sẽ hiểu và nắm bắt nội dung dựa trên kiến thức chung về văn hoá và trải nghiệm của bản thân. Trong các cuộc hội thoại từ Bộ Giáo trình New Interchange, có 31 trường hợp khứ chiếu, chiếm 1,26%. Trong khi đó, chỉ có 24 trường hợp này, chiếm 0,98 % được tìm thấy trong Bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015). Bằng cách sử dụng các danh từ hoặc cụm từ xác định trong các cấu trúc ngôn ngữ "*The + một danh từ số ít / một danh từ số nhiều / một tính từ / viết tắt / vv.*", Bộ Giáo trình New Interchange hướng người nghe suy ra các thực thể bên ngoài ngữ cảnh. Với kinh nghiệm của người nghe, họ tham chiếu chính xác đến các thực thể theo ý định của người nói. Vì vậy, họ có thể giao tiếp thoải mái mà không có bất kỳ trở ngại nào. Ngoài ra, với cách quy chiếu chỉ định có chọn lọc đề cập đến "*cái này, cái kia, những cái này, những cái kia, ở đây, ở kia,*

bây giờ, sau đó ", ngôn ngữ biểu đạt được khoảng cách gần, xa hay trung tính từ người nói đến người nghe trong các cuộc hội thoại.

5. Kết luận

Công trình nghiên cứu này đã đem lại cái nhìn chi tiết hơn về quy chiếu, một trong những phương tiện liên kết trong các diễn ngôn hiệu quả. Kết luận chỉ ra rằng cả hai bộ giáo trình đều sử dụng cả bốn loại quy chiếu trong các cuộc hội thoại. Tuy nhiên, trong Bộ Giáo Trình New Interchange quy chiếu được sử dụng đa dạng hơn. Bên cạnh hội chiếu đại từ, hội chiếu chỉ định và hội chiếu so sánh, nhiều loại quy chiếu khác cũng được sử dụng. Mặt khác, Bộ SGK Tiếng Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015) có xu hướng sử dụng rất nhiều hội chiếu. Mặc dù có sử dụng nhiều hội chiếu chỉ định và so sánh, nhưng ưu tiên hơn hết vẫn là quy chiếu đại từ. Khứ chiếu đôi khi được sử dụng để nhấn mạnh về ai đó hay một điều gì đó, trong khi đó ngoại chiếu không thường được sử dụng trong các cuộc hội thoại.

6. Đề xuất

Với kết quả nghiên cứu trên, tác giả hy vọng sẽ góp phần củng cố kiến thức về phép quy chiếu nói chung và việc học và giảng dạy tiếng Anh trong Bộ SGK tiếng

Anh dành cho học sinh THPT ở Việt Nam (2015) tại các trường trung học nói riêng.

Về phương diện học tiếng Anh, phép quy chiếu được coi là một trong những công cụ gắn kết quan trọng nhất trong diễn ngôn. Với ba loại quy chiếu chính gồm quy chiếu đại từ, quy chiếu chỉ định và quy chiếu so sánh khá quen thuộc với người học, học sinh cần sử dụng chúng càng nhiều càng tốt. Hơn nữa, học sinh nên mở rộng khả năng của mình trong việc sử dụng phép tinh lược trong ngôn ngữ nói, điều này giúp cuộc hội thoại trở nên cô đọng và lời cuốn hơn. Ngoại chiếu cũng là một sự lựa chọn khôn ngoan cho người nói. Với trải nghiệm và kiến thức về văn hoá, người nói có thể tạo ra các cuộc hội thoại một cách thú vị.

Về phương diện giảng dạy tiếng Anh, dựa trên kết quả nghiên cứu, giáo viên có thể giúp người học xây dựng sự tự tin trong giao tiếp thông qua việc thực hành với phép quy chiếu. Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh tránh cách nói hoặc giải thích dài dòng bằng cách sử dụng phép quy chiếu □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoang Van Van (Ed.) (2015). *Tiếng Anh Lớp 10, Textbooks 1, 2*. Hanoi: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [2] Hoang Van Van (Ed.) (2015). *Tiếng Anh Lớp 11, Textbooks 1, 2*. Hanoi: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [3] Hoang Van Van (Ed.) (2016). *Tiếng Anh Lớp 12, Textbooks 1, 2*. Hanoi: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [4] Richards, J. C. (2007). *New Interchange 1, Student's Book (37th edition)*. New York: Cambridge University Press.
- [5] Richards, J. C. (2003). *New Interchange 2, Student's Book (22nd edition)*. New York:

- Cambridge University Press.
- [6] Richards, J. C. (2008). *New Interchange 3, Student's Book (19th edition)*. New York: Cambridge University Press.
- [7] Azzouz, B. (2009). *A Discourse Analysis of Grammatical Cohesion in Student's Writing*. Mentouri University.
- [8] BGDDT (2012). *Quyết định về việc ban hành Chương trình Giáo Dục Phổ Thông môn Tiếng Anh thí điểm cấp Trung Học Phổ Thông*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-5209-QĐ-BGDDT-nam-2012-Chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-mon-tieng-Anh-180993.aspx>, [retrieved on 21/03/2017].
- [9] Halliday, M. A. K. and Hasan, R. (1976). *Cohesion in English*. London: Longman.
- [10] Hoang Van Van (2006). *Introducing Discourse Analysis*. Education Press.
- [11] Hoey, M. (1991). *Pattern of Lexis in Text*. Oxford: Oxford University Press.
- [12] Lê Thị Thu Thủy (2016). *The Study on Discourse Reference in Policy Dialogues on VTV1 and Q & A Programs on ABC*. Quy Nhon University.
- [13] Mey, J. L. (2004). *Interdisciplinary Studies in Pragmatics, Culture and Society*, <https://books.google.com.vn/books?id=sdRJCgAAQBAJ>, [retrieved on 21/03/2017].
- [14] Mokrani, L. R. (2009). *Reference as a Device of Grammatical Cohesion In English Narrative and its Translation into Arabic*. Mentouri University.
- [15] Nunan, D. (1993). *Introducing Discourse Analysis*. London: Penguin.
- [16] Sukma, R.F. (2014). *Cohesive Devices Analysis on insider Column Travel + Leisure Magazine September 2011*. Semarang: Dian Nuswantoro University.
- [17] Thompson, G. (2014). *Introducing Functional Grammar*, (3rd Ed.). London & New York: Routledge.